

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND
(Dự thảo)

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X - KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ...tháng... năm 2024 của UBND tỉnh
Bắc Kạn về ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc
thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số/BC-
HĐND ngày.... thángnăm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và
ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng
bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại
Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đối tượng áp dụng

1. Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo
tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ)
không có đất ở, đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp so với hạn
mức sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa phương nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất.

3. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hoá và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m².

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu

1. Trường hợp hỗ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.

3. Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được giảm 50% tiền thuê đất.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất để bảo đảm ổn định cuộc sống

1. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Trường hợp cá nhân đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 6. Điều kiện thực hiện chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này

1. Không hỗ trợ giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất đối với các đối tượng đã nhận hỗ trợ về đất đai từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển quyền sử dụng đất.

2. Các đối tượng được hỗ trợ về đất đai phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất.

3. Việc giao đất ở phải gắn phương án làm nhà ở trên diện tích đất được giao, tránh tình trạng các đối tượng được giao đất ở nhưng lại không có nhà ở.

Điều 7. Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

Quỹ đất để thực hiện hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý trên địa bàn toàn tỉnh hoặc quỹ đất trả về cho địa phương quản lý theo Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và nguồn vốn hợp pháp khác quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai¹ và khoản 3 Điều 8 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ².

2. Các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này được miễn phí khai thác địa chính và phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

¹ “8. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật này; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”

² “3. Kinh phí quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát, tổng hợp các đối tượng có nhu cầu được hỗ trợ, trên cơ sở đó xây dựng quỹ đất của địa phương, lập dự toán kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp đã có hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo các chương trình khác trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hỗ trợ đất đai thì được xem xét thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày....tháng...năm 2024.

2. Các nội dung hỗ trợ chính sách tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ viện dẫn tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Khoá X, Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 thông qua ngàytháng năm 2024/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh